TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THIỆU HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 10 - 2019
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Nhân.
2. Ông Lê Dũng Tấn.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST - HNGĐ ngày 08/8/2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 20/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Thôn A, xã TV, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa; Chị H có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Công T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn A, xã TV, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa; Anh T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2019, bản tự khai ngày 08/8/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Trần Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/9/2017. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và thường xuyên cãi vã, mỗi người một quan điểm sống. Chị H đã nhiều lần bỏ về bên ngoại ở, được hai bên gia đình hòa giải chị lại quay lại sống chung với anh T nhưng vợ chồng vẫn cãi vã nhau. Từ tháng 5 năm 2019 chị H đã phải mang con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Công T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị An N, sinh ngày 20/01/2018; Ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng trên tháng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/8/2019, văn bản ý kiến ngày 21/8/2019 và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Công T trình bày: Anh và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/9/2017. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã, chị H mang con về bên ngoại sinh sống, anh T đã xuống nhiều lần khuyên bảo chị H về nhà nội sinh sống nhưng chị H không về. Chị H xin ly hôn anh xét thấy không vun vén được, vợ chồng không hiểu nhau và bất đồng quan điểm sống, anh đồng ý ly hôn với chị H và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị An N, sinh ngày 20/01/2018; Ly hôn anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị H được Tòa án giao con anh đồng ý cấp dưỡng 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng, việc anh cấp dưỡng nuôi con thì chị H phải đảm bảo cuộc sống của con, không bị còi cọc suy dinh dưỡng, đồng thời cũng đảm bảo việc anh được thăm nom con. Tại phiên tòa anh đề nghị cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và công nợ : Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Anh Trần Công T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hòa giải nhưng anh T không tham gia phiên hòa giải, chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Trần Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian ngắn còn lại là cãi cọ nhau, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau; Chị H đã bỏ về bên ngoại ở và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, mâu thuẫn cũng đã kéo dài được hai bên thừa nhận, chị H xin ly hôn anh T đồng ý ly hôn với chị H, điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T đều khai nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị An N, sinh ngày 20/01/2018; Chị H xuất trình cho Tòa án Trích lục khai sinh của cháu N có ghi họ tên mẹ là chị Lê Thị H, họ tên bố là Trần Công T, như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu N là con chung của chị H và anh T. Chị H và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con chung, xét yêu cầu nuôi con của hai

bên là chính đáng; Tuy N Hội đồng xét xử thấy rằng cháu N là nữ giới đang còn nhỏ, tại thời điểm xét xử cháu chưa đủ 03 tuổi, giao con chung cho chị H sẽ thuận tiện hơn trong việc chăm sóc và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu N. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu N theo quy định tại điều 81 Luật hôn nhân gia đình cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; Nuôi dưỡng con cái chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ, nên chấp nhận yêu cầu về việc cấp dưỡng của nguyên đơn, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng) là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh công việc của hai bên.

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Trần Công T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Trần Thị An N, sinh ngày 20/01/2018 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Trần Công T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi chị H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng, nếu chưa thi hành án, hàng tháng anh T phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án, mức lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005547 ngày 08/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị H đã nộp đủ án phí. Buộc anh Trần Công T phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Thiệu Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Thi hành án dân sự (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Dũng Tấn **Lê Minh Nhân** **Hoàng Văn Đạt**